

Hà Nội, ngày **03** tháng 04 năm 2020

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tổng công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam**  
Năm báo cáo/Year: 2019

### **I. Thông tin chung/ General information**

#### **1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0103016007 mã số doanh nghiệp 0100103351
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 438.000.000.000 đ;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 438.000.000.000 đ
- Địa chỉ/*Address*: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Tầng 11 Tòa nhà Miprec, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa – Hà Nội.
- Số điện thoại/*Telephone*: (024) 38256404
- Số fax/*Fax*: (024) 38264786
- Website: [www.veic.com.vn](http://www.veic.com.vn); [www.viettronics.vn](http://www.viettronics.vn);
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: VEC

#### **- Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Tổng Công ty là một trong những nhà sản xuất và cung cấp lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực điện tử dân dụng, điện tử công nghiệp, điện tử y tế, viễn thông, công nghệ thông tin, chuyên cung cấp thiết bị, giải pháp hệ thống, phần mềm... cho các dự án công nghệ thông tin trong phạm vi toàn quốc và một số nước trên thế giới.

Tiền thân của Tổng công ty là Phòng Nghiên cứu Điện tử thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim (nay là Bộ Công Thương), được thành lập tháng 10/1970, với gần 200 kỹ sư, cán bộ kỹ thuật ngành điện tử tốt nghiệp các trường đại học trong nước và nước ngoài.

Từ 1971-1975 Phòng Nghiên cứu Điện tử đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực chế tạo vật liệu, linh kiện (vật liệu từ, gốm áp điện, điện trở màng than, điốt điểm...) và thiết bị điện tử chuyên dụng (máy dò khuyết tật kim loại, máy siêu âm, máy hiện sóng...).

Sau tháng 5/1975, Phòng Nghiên cứu Điện tử đã chi viện số lượng lớn cán bộ cho các cơ sở công nghiệp điện tử vừa được tiếp quản ở phía Nam. Số cán bộ còn lại tiếp tục xây dựng và phát triển Phòng Nghiên cứu Điện tử trở thành một cơ sở nghiên cứu ứng dụng của Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Năm 1980 trên cơ sở các xí nghiệp Điện tử của Bộ Cơ khí Luyện kim trong cả nước, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã quyết định thành lập Liên hiệp các xí nghiệp điện tử trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim. Liên hiệp có trụ sở tại Tp. Hồ Chí Minh.



Từ 1980-1984, Liên hiệp các xí nghiệp Điện tử đã củng cố tổ chức, ổn định sản xuất và đặt nền móng cho sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam. Sản phẩm nghe nhìn thương hiệu Viettronics của các xí nghiệp thành viên đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng trong nước và được đối tác nước ngoài biết đến.

Liên hiệp đã đầu tư các dây chuyền sản xuất điện trở, tụ hoá, mạch in của Pháp, Italia, Tiệp Khắc (cũ). Ngoài ra còn sản xuất được tụ xoay, chuyển mạch, chiết áp cung cấp cho các xí nghiệp trong nước và xuất khẩu sang các nước XHCN cũ.

Năm 1984, để tiện quản lý và tập trung lực lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành điện tử và kỹ thuật tin học, Nhà nước đã quyết định thành lập Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) bao gồm Liên hiệp các xí nghiệp điện tử Bộ Cơ khí Luyện kim, Công ty IBM và Cục quản lý máy tính thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Sau 4 năm hoạt động, do nhiều nguyên nhân năm 1988 Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học giải thể.

Năm 1988 trên cơ sở các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã quyết định thành lập Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim (sau đó là Bộ Công nghiệp Nặng). Từ năm 1988 đến năm 1994 Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam đã hoạt động khởi sắc và có những bước phát triển mạnh mẽ. Các doanh nghiệp thành viên đẩy mạnh việc lắp ráp TV, Radio cassette từ bộ linh kiện nhập ngoại chiếm hơn một nửa số lượng TV, Radio cassette trong nước và chiếm một thị phần đáng kể các sản phẩm và dịch vụ tin học.

Ngày 27/10/1995, Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam đã được thành lập theo mô hình Tổng công ty 90 trên cơ sở Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam trực thuộc Bộ Công nghiệp Nặng (nay là Bộ Công thương). là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực điện tử và tin học tại Việt Nam hoạt động trong 3 lĩnh vực chính là: điện tử dân dụng, điện tử chuyên dụng và công nghệ thông tin với 13 doanh nghiệp thành viên doanh thu hàng năm khoảng 100 triệu USD, gia công xuất khẩu đạt khoảng 30 triệu USD/năm.

Tổng công ty đã hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau với nhiều hãng điện tử và tin học nổi tiếng thế giới từ Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước Châu Á, v.v...

Tổng công ty đã thành lập 6 liên doanh với nước ngoài sản xuất, kinh doanh các ngành hàng điện tử dân dụng, điện tử y tế, phụ tùng nhựa,... Ngoài ra Tổng Công ty còn tham gia thành lập một số công ty cổ phần và một Trung tâm nghiên cứu ứng dụng tin học.

Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam có mạng lưới tiêu thụ và dịch vụ trên cả nước.

Tháng 5 năm 2004 Thủ Tướng Chính Phủ đã ký quyết định cho phép tiến hành Cổ phần hoá thí điểm 5 doanh nghiệp Nhà nước ở mức Tổng công ty trong đó có Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam. Ngay sau đó đề án Cổ phần hoá đã được gấp rút xây dựng để trình Chính phủ. Đề án này đã được Thủ tướng phê duyệt vào ngày 07.01.2005.

Ngày 21 tháng 11 năm 2006, tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt nam đã thực hiện thành công phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu tiên ra bên ngoài.

Ngày 03 tháng 02 năm 2007, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất, đồng thời là đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được tổ chức thành công tại Hà Nội.

Ngày 01 tháng 03 năm 2007, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam chính thức đi vào hoạt động với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần.

- Các sự kiện khác/*Other events*: Hiện nay, Tổng công ty đang tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chiến lược, định hướng trung - dài hạn do ĐHCĐ, HĐQT nhiệm kỳ 3 (2017-2022) đề ra.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business*:

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử- tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần;

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

+ Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan. Chi tiết: Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước);

+ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;

+ Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo, thông tin; Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;

+ Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Kinh doanh triển lãm;

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh - truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW;

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV;

+ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ. Chi tiết: Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, thiết kế các linh kiện điện tử, thiết bị điện tử dân dụng, chuyên dụng;

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; kinh doanh thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

+ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Nội địa: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh trên cả nước

+ Xuất khẩu: Một số thị trường Châu Á, Châu Phi...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tổ chức bộ máy theo mô hình công ty mẹ - công ty con bao gồm các bộ phận:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị;

+ Ban Kiểm soát;

+ Ban điều hành;

- + Bộ máy giúp việc;
- + Các công ty con;
- + Các công ty liên kết;
- + Các công ty liên kết tự nguyện;
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.
- + Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;
- + Ban kiểm soát gồm có Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát;
- + Ban điều hành gồm có Phó tổng giám đốc phụ trách chung và các Phó tổng giám đốc giúp việc theo phân công;
- + Bộ máy giúp việc gồm các ban chức năng, các ban chuyên trách, các hội đồng tư vấn, thư ký Tổng công ty...;
- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*)).

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty CP Viettronics Tân Bình	Q Bình Thạnh – TPHCM	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử	133.226.370.342	55,54%	
2	Công ty CP Viettronics Thủ Đức	Quận 9, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử	75.462.731.429	97,01%	
3	Công ty CP Điện tử Biên Hòa.	Quận 1 – TPHCM	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử	35.073.921.193	51%	
4	Công ty CP Điện tử Bình Hòa.	Q Bình Thạnh – TPHCM	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử	15.198.723.728	51%	
5	Công ty CP Công trình Viettronics	Q Cầu Giấy – Hà Nội	Cơ điện tòa nhà;	13.000.000.000	65%	
6	Công ty CP Viettronics Công nghiệp.	Q. Hai Bà Trưng – Hà Nội	Thiết kế, lắp đặt các công trình điện tử công nghiệp	27.557.000.000	91,86%	
7	Công ty CP Viettronics Đồng Đa.	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử			Viettronics đã thoái vốn tháng 7/2019
8	Công ty TNHH DM Vina	KCN Bình Xuyên, Vĩnh Phúc		23.846.960.416		Đầu tư tháng 11/2019
9	Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam.	Q Ba Đình – Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử, CNTT.	21.684.417.517	35,70%	
10	Công ty CP Viettronimex.	Quận 1 – TPHCM	Kinh doanh sản phẩm điện tử.	13.987.729.333	42,16%	
11	Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa.	Q Tân Phú – TPHCM	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử	2.278.518.130	33,77%	
12	Công ty CP Máy tính Việt Nam.	Quận 1 – TPHCM	Sản xuất, kinh doanh sản	895.348.195	28,50%	

			phẩm điện tử, CNTT.			
13	Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao.	Hà Nội	Y tế kỹ thuật cao	1.276.595.137	49,00%	Đang tiến hành giải thể
	<b>Tổng cộng</b>			<b>363.488.315.420</b>		

#### 4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company.
- + Kinh doanh có lãi, mang lại doanh thu, lợi nhuận cao cho cổ đông Tổng công ty;
- + Tổng công ty đẩy mạnh kinh doanh trong lĩnh vực Năng lượng & Công nghiệp, Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Điện tử dân dụng, Cơ điện tòa nhà và Điện tử y tế;
- + Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của Tổng công ty có lợi thế.
- + Thiết lập hệ thống phân phối, bán hàng, thương mại điện tử.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty cho các cổ đông đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước. Tập trung phát triển sản xuất kinh doanh các ngành hàng trong lĩnh vực kinh doanh chính, hướng tới phát triển ra thị trường nước ngoài có tiềm năng, kinh doanh các ngành nghề mang lại hiệu quả kinh tế cho nhà đầu tư cũng như hiệu quả xã hội theo chủ trương của Nhà nước.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

Mang lại đời sống kinh tế ngày một phát triển cho cán bộ công nhân viên, tạo nhiều việc làm cho xã hội, tuân thủ quy định của pháp luật liên quan, đồng thời không ngừng tăng trưởng doanh thu/ lợi nhuận thực hiện, tạo niềm tin và lợi ích tối đa cho các nhà đầu tư.

5. Các rủi ro/ *Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Từ sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO, chính sách thuế đặc biệt thuế nhập khẩu có nhiều biến động, đòi hỏi doanh nghiệp Việt nói chung, Tổng công ty nói riêng có những đối sách phù hợp tình hình.

- Do nhiều lý do khách quan khác nhau, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chịu nhiều sức ép, rủi ro tiềm tàng như: Khó tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, các ràng buộc chính sách thuế quan khi Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế. Ngoài ra, các rủi ro về áp lực lạm phát, rủi ro do biến động tỷ giá ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con tương đối khó khăn do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công cao trong khi doanh thu lại sụt giảm do chậm tiêu thụ, tồn kho lớn, sức ép cạnh tranh với hàng hóa của các nước lân cận.

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tổng Công ty ổn định và phát triển, đóng góp chủ yếu vào doanh thu chung của Tổng công ty. Doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu như: năng lượng công nghiệp, cơ điện, các ngành nghề khác theo ĐKKD.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so sánh (%)	
						So TH 2018	So KH 2019
1	Doanh thu	Tr.đồng	300.000	290.608	304.101	104,64%	101,37%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	14.500	14.153	7.109	50,76%	49,03%
3	Cổ tức	Tr.đồng					

Phân tích nguyên nhân:

- Doanh thu năm 2019 tăng so với năm 2018 tương ứng là 104,64% là do doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp tăng. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 giảm so với năm 2018 tương ứng tỷ lệ 50,76% là do: Chi phí cho hoạt động tài chính tăng mạnh do ảnh hưởng của thông tư 48, hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty có vốn góp đã cải thiện hiệu quả so với năm 2018.

## 2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Các chứng khoán khác
1	Bùi Mạnh Hùng	P. Tổng giám đốc phụ trách chung		
2	Vũ Hải Vĩnh	P. Tổng giám đốc		
3	Nguyễn Tiến Dũng (*)	P. Tổng giám đốc	Đại diện phần vốn nhà nước, tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết: 43,97%	
4	Nguyễn Văn Đông	P. Tổng giám đốc		
5	Vũ Dương Ngọc Duy	P. Tổng giám đốc		
6	Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng		

(\*): Tỷ lệ biểu quyết của Ông Nguyễn Tiến Dũng là 44%/VĐL kể từ ngày 17/07/2017 đến 01/07/2019, tỷ lệ biểu quyết là 43,97% kể từ 01/07/2019.

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*):

+ Ngày 21/01/2020, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết 45 NQ/ĐT- HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Tiến Dũng kể từ ngày 01/12/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies: Số lượng cán bộ nhân viên tại công ty mẹ đến 31 tháng 12 năm 2019 là 85 người.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

Tổng công ty tiếp tục rà soát các dự án đầu tư tại các công ty trong hệ thống nhằm thực hiện tái cơ cấu vốn, thoái vốn ở 1 số đơn vị không cần nắm giữ hoặc không ưu tiên đầu tư để tập trung nguồn lực đầu tư cho 1 số đơn vị có cơ cấu đầu tư phù hợp với định hướng phát triển. Trong năm 2019, Dự án đầu tư của Tổng công ty ở bước chuẩn bị thủ tục đầu tư.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

- Trong các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty có 1 số doanh nghiệp có hoạt động chính vẫn là sản xuất sản phẩm điện tử, điện gia dụng như Viettronics Tân Bình, Điện tử Biên Hòa, Điện tử Bình Hòa, Viettronics Thủ Đức, Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa... Với các dòng sản phẩm chủ yếu gồm: Tivi, máy giặt, nồi cơm điện, quạt điện, các sản phẩm linh kiện – phụ kiện điện tử; Các sản phẩm điện tử, linh kiện gia công xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài (Malaysia, Nhật). Một số công ty có nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn từ hoạt động dịch vụ thương mại, khai thác mặt bằng và đầu tư tài chính. Các công ty trong hệ thống Tổng công ty đều đang gặp nhiều khó khăn chung như giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí cố định, giá thuê, thuế sử dụng đất tăng cao, việc sắp xếp lại quy hoạch nhà xưởng của các Thành phố, sản phẩm phải cạnh tranh gay gắt với hàng ngoại nhập.

- Để đảm bảo chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận theo kế hoạch, các doanh nghiệp đều phải tập trung nghiên cứu cải tiến công nghệ, đi vào sản xuất lĩnh vực hàng hóa có hàm lượng chất xám cao, tiết kiệm chi phí quản lý gián tiếp, tái cơ cấu vốn đầu tư, tận dụng tối đa ưu thế mặt bằng nhà xưởng kho bãi sẵn có để mời gọi hợp tác đầu tư.

### 4. Tình hình tài chính/ Financial situation

#### a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	694.570.386.603	631.006.606.843	90,85 %
Doanh thu thuần/Net revenue	270.717.845.958	268.164.224.670	99,06 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	13.798.258.9985	7.074.633.965	51,27 %

Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	354.260.818	34.200.756	9,65 %
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	14.152.519.803	7.108.834.721	50,23 %
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	14.004.115.708	7.108.834.721	50,76 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> ) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	1,85	2,37	
	1,76	2,24	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> ) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	27,72%	19,79%	
	38,35%	24,67%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> :			



Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )	15,31	15,18	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue / Total Assets</i> )	38,98%	42,50%	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	5,17 %	2,65 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	2,82 %	1,40 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	2,02 %	1,13 %	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	5,10 %	2,64 %	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/ <i>Note</i>
<b>1. Quy mô vốn/ Capital scale</b>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</b>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh ( <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i> )			

- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ ( <i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i> )			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ ( <i>Bad debt/Total debt Ratio</i> )			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Tổng số cổ phần đang lưu hành 43.800.000 CP là cổ phần phổ thông được phép chuyển nhượng tự do mệnh giá 10.000 đ/1CP

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders.*

- Cổ đông Nhà nước chiếm 87,97 % tương đương với 38.529.750 CP

- Cổ đông khác chiếm 12,03% tương đương với 5.270.250 CP

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc. Không thay đổi*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties. Không*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number,*

characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance. Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

Cơ quan Tổng công ty tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu thông qua hoạt động tư vấn, thương mại, dịch vụ, cung cấp- thi công máy móc thiết bị, hệ thống đồng bộ. Các hoạt động sản xuất trực tiếp được tiến hành trực tiếp tại các công ty con- công ty thành viên liên kết thông qua việc hợp tác/góp vốn.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

Do đặc thù sản xuất kinh doanh như trình bày ở trên, lượng năng lượng tiêu thụ chủ yếu là để phục vụ hoạt động tại văn phòng Tổng công ty.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.

Do đặc thù sản xuất kinh doanh như trình bày ở trên, lượng nước tiêu thụ chủ yếu là để phục vụ hoạt động tại văn phòng Tổng công ty.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

Tổng số lao động bình quân năm 2019 tại Công ty mẹ là 85 người, thu nhập bình quân khoảng 12 triệu đồng/ người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:*

Hàng năm Tổng công ty tổ chức hoạt động phúc lợi tuân thủ quy định/ quy chế liên quan của đơn vị và của pháp luật về lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Tổng công ty tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu công việc của từng bộ phận vào thời điểm cần thiết

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service:* Tổng công ty tích cực tham gia ủng hộ, đóng góp cho hoạt động cộng đồng tại nơi đặt trụ sở và các công trường thi công.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC: Không có*

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).* Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty tương đối ổn định, đạt kế hoạch do ĐHCĐ đề ra cho năm 2018 trong đó tỷ lệ doanh thu vượt kế hoạch là 107% và lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 101% là một kết quả đáng ghi nhận trong giai đoạn hiện nay.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.* Từng bước nghiên cứu sản phẩm điện tử kỹ thuật cao, trang thiết bị y tế, sản xuất sản phẩm, linh kiện đáp ứng yêu cầu cạnh tranh với hàng ngoại nhập trong 1 số lĩnh vực điện tử, công trình điện công nghiệp phức tạp, phục vụ công cuộc hiện đại hóa ngành, đất nước.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

Tổng công ty tiếp tục rà soát, tái cơ cấu vốn tại một số doanh nghiệp nhằm giải quyết các khoản đầu tư chưa hiệu quả. Một số doanh nghiệp có mặt bằng, nhà xưởng nằm trong khu vực quy hoạch thay đổi hoặc có biến động mạnh về giá cho thuê đất, Tổng công ty tiến hành thực hiện các đối sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cho phù hợp.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results*.

Việc chênh lệch tỷ giá hối đoái, ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của các công ty trong hệ thống Tổng công ty. Các linh kiện điện tử, chi tiết máy móc chuyên dụng phục vụ thi công công trình, nguyên liệu đầu vào nhập khẩu chịu tác động trực tiếp của chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh do giá thành đầu vào biến động trong khi sản phẩm làm ra chịu cạnh tranh gay gắt từ sản phẩm nhập ngoại cùng loại. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chính về điện tử tin học của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn và có xu hướng giảm về cơ cấu trong tổng doanh thu, lợi nhuận.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management*.

Tổng công ty đã ban hành các quy chế nội bộ, tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp theo mô hình công ty mẹ - con, Bộ máy tổ chức đã được kiện toàn, sắp xếp hợp lý để góp phần quản lý vốn đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất theo định hướng đề ra, mang lại hiệu quả tối ưu cho cổ đông. Các chính sách, cơ cấu bộ máy theo mô hình trên cơ sở phát huy nguồn lực nội tại của tổng công ty, phát triển lĩnh vực mới, mang lại nhiều giá trị cũng như đóng góp cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư vào các công ty, ưu tiên đầu tư vào các công ty phù hợp với định hướng phát triển ngành và của Tổng công ty: Y tế kỹ thuật cao, công nghệ thông tin, năng lượng công nghiệp, trang thiết bị dân dụng đồng thời tăng cường công tác nghiên cứu sản phẩm, công nghệ mới, tìm kiếm thị trường mới để xuất khẩu. Hợp tác với các đối tác nước ngoài tiên tiến để tiếp cận là làm chủ công nghệ điện tử tương lai.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved)*.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ**

103  
CƠ  
PH  
VÀ  
T I  
IÊN

**phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã làm việc rất tích cực để thực hiện việc ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định quan trọng để xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy Tổng công ty, bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao, tích cực triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư... theo thẩm quyền, đồng thời xây dựng định hướng phát triển Tổng công ty và cơ cấu lại nguồn lực của Tổng công ty để tăng cường sản xuất kinh doanh trực tiếp, đem lại hiệu quả kinh tế – xã hội, cụ thể như:

- Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu, tổ chức bộ máy Tổng công ty với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

- Bổ nhiệm đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại đơn vị.

- Xây dựng định hướng phát triển Tổng công ty trong trung – dài hạn, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để hoàn thành kế hoạch SXKD có hiệu quả.

Từng bước xây dựng, củng cố và kiện toàn hệ thống người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên để tạo điều kiện và môi trường cho người đại diện phát huy năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ với các doanh nghiệp được phân công.

Chỉ đạo triển khai công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty theo thẩm quyền.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Trong thời gian qua, Tổng giám đốc đã thực hiện được một số công việc sau đây:

Đã tiến hành củng cố, cơ cấu tổ chức bộ máy Tổng công ty, cụ thể hoá chức năng nhiệm vụ của các ban chức năng, bổ nhiệm các cán bộ Trưởng, Phó Ban của Tổng công ty để đáp ứng yêu cầu về hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors:* Tiếp tục thực hiện các định hướng kế hoạch nhiệm kỳ 3 (2017-2022) đã được đại hội đồng cổ đông Tổng công ty phê duyệt nhằm mang lại lợi ích cho cổ đông và định hướng cho Tổng công ty phát triển.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Các CK khác	Số lượng tham gia HĐQT nắm giữ tại các công ty trong hệ thống
Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III ( 2017- 2022)					

1	Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT đại diện pháp luật ( từ 17/07/2017)	Đại diện phần vốn Nhà nước; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 44 % từ ngày 01/07/2019	
2	Lưu Hoàng Long	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách ( từ 17/07/2017), đến ngày 04/07/2019 (chuyển công tác)	Đại diện phần vốn Nhà nước; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 43,97 % từ 2017 đến ngày 01/07/2019	
3	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	Đại diện phần vốn Nhà nước; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 43,97 % từ ngày 01/07/2019	2
4	Đỗ Thị Thuý Hương	Thành viên HĐQT ( từ 17/07/2017)		2

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Hiện tại Tổng công ty chưa thành lập tiểu ban nào thuộc HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã họp 16 lần bằng hình thức tổ chức họp/ lấy phiếu ý kiến, có 22 Nghị quyết đề ra nhằm định hướng, quyết định chủ trương, kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đồng thời chỉ đạo, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, góp phần nâng cao năng lực quản trị của bộ máy điều hành, tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý vốn, phát triển sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

Các thành viên Hội đồng quản trị nêu trên đều có đầy đủ tư cách và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định.

## 2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Các CK khác
<b>Ban kiểm soát nhiệm kỳ III ( 2017- 2022)</b>				
1	Vũ Hoài Anh	Trưởng ban Kiểm soát ( từ 17/07/2017 )	0,0022% VDL	

2	Phạm Văn Chung	Thành viên BKS ( từ 17/07/2017 )		
3	Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS ( từ 17/07/2017 )		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

*Ban kiểm soát họp theo định kỳ 1 quý/ 1 lần và 3 cuộc họp để triển khai nhiệm vụ/ chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Mức thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2018 được duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 gồm:

Đơn vị: Đồng

STT	Thành viên HĐQT/BKS	Số lượng	Mức thù lao/tháng	Số tháng/ 2018	Tổng thù lao/ năm 2018
1	<b>Hội đồng quản trị</b>			12	
	Chủ tịch HĐQT	1	4.000.000	12	
	Thành viên HĐQT				
	<b>Tổng cộng</b>				48.000.000
2	<b>Ban kiểm soát</b>				
	Trưởng BKS			12	
	Thành viên BKS	2	2.000.000	12	
	<b>Tổng cộng</b>				48.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>96.000.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*): Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with*



the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights:  
Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*: Được chấp thuận toàn phần, báo cáo tài chính kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY, Tổng công ty đã công bố thông tin trên các phương tiện theo quy định.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*): Tổng công ty đã công bố báo cáo tài chính kiểm toán theo đầy đủ các nội dung yêu cầu tại mục "Nhà đầu tư" trên website của đơn vị: [www.viettronics.vn](http://www.viettronics.vn)

Nội dung cụ thể theo đường link dưới đây:

<http://www.viettronics.vn/nha-dau-tu/v/bao-cao-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2019-cua-viettronics/470>

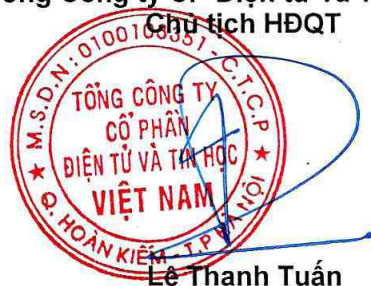
Trên đây là nội dung báo cáo thường niên năm 2019 của Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Trân trọng./

### Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- CBTT trên website;
- Lưu VT, KHĐT, TCKT.

Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN  
Chịu trách nhiệm



*[Handwritten signature]*

C.P. 1/2